

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LÊ CHÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 04-8-2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thùy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

Bà Nguyễn Thị Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 430/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nhâm Thị A; nơi cư trú: Số 8/56 Đ, phường Đ, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;

- *Bị đơn:* Anh Đào Thanh T; nơi cư trú: Số 8/56 Đ, phường Đ, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nhâm Thị A trình bày:

Chị Nhâm Thị A và anh Đào Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 04/7/2017. Đến nay có 01 con chung.

Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2021 do hai bên

ngày càng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tình cảm xa cách. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ đầu năm 2022 đến nay hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đào Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đào Tú L, sinh ngày 22/12/2017. Ly hôn chị đề nghị giao con cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T có bản tự khai nhất trí với các quan điểm của chị A như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Do mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ nên anh cũng đồng ý ly hôn chị A.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đào Tú L, sinh ngày 22/12/2017. Anh T nhất trí giao con cho mẹ là Nhâm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Anh T trình bày do anh bận công việc không thể có mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tại biên bản làm việc với đại diện gia đình anh T và biên bản xác minh tại nơi cư trú cho thấy: Quá trình chung sống hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Từ đầu năm 2022 đến nay hai bên đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt.

*Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục về pháp luật tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về tố tụng; bị đơn chấp hành không đầy đủ các quy định về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Chị Nhâm Thị A và anh Đào Thanh T kết hôn trên cơ sở hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên nảy sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2022. Nay chị A có đơn xin ly hôn anh T, anh T đã có ý kiến nhất trí toàn bộ yêu cầu của chị

A cho thấy mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị A, giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Thanh T.

Về con chung: Chị A và anh T có một con chung là Đào Tú L, sinh ngày 22/12/2017. Ly hôn hai bên cùng đề nghị giao con cho mẹ là Nhâm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị A, giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét.

Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đơn khởi kiện, trình bày của đương sự và xác minh của Tòa án thể hiện: Anh Đào Thanh T, sinh năm 1991; có nơi cư trú tại: Số 8/56 Đ, phường Đ, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nhâm Thị A và bị đơn là anh Đào Thanh T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, đương sự là chị Nhâm Thị A và anh Đào Thanh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nhâm Thị A và anh Đào Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2017 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 04/7/2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ đầu năm 2022 đến nay hai bên đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Quá trình giải quyết, chị A giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T. Qua xác minh tại gia đình, nơi cư trú của anh T cho thấy hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, quan hệ vợ

chồng trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy chị A yêu cầu được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị A và anh T có một con chung là Đào Tú L, sinh ngày 22/12/2017. Ly hôn hai bên cùng đề nghị giao con cho mẹ là Nhâm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị A, giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật là phù hợp.

[6] Về tài sản chung: Các bên đương sự trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị Nhâm Thị A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nhâm Thị A được ly hôn anh Đào Thanh T.

- Về con chung: Giao con chung là Đào Tú L, sinh ngày 22/12/2017 cho chị Nhâm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nhâm Thị A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị A đã nộp đủ số tiền án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005269 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.Lê Chân;
- UBND p.Đ, Lê Chân, HP (GCNKH số 41 ngày 04/7/2017);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thùy Linh**